

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/HS-ST**
Ngày: 15/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành – Giáo viên đã nghỉ hưu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu – Giáo viên đã nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 485/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thu G - tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/8/2000 tại TH (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 07 tháng 27 ngày); Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ X, phường DB, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông: Không xác định, con bà Nguyễn Thị O (đã chết); Gia đình bị cáo có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt tại phiên tòa)*.

2. Dương Lan A - tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/7/2000 tại TH (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 09 tháng 04 ngày); Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ Y, phường T, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Dương Văn T (đã chết) và con bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt tại phiên tòa)*.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thu G: Ông Nguyễn Công Q – Luật sư – Văn phòng luật sư A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh TH (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Dương Lan A: Ông Lê Quang N – Luật sư – Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư tỉnh TH (Có mặt)

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Thu G: Bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 1977 – trú tại tổ Z, phường P, thành phố TH (Có mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Dương Lan A: Chị Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1981 – trú tại: Ngõ 106, quận N, thành phố H (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Lưu Thùy L, sinh ngày 21/11/2000 - trú tại tổ V, phường P, thành phố TH (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người đại diện của người bị hại: Chị Đỗ Thị Hồng A, sinh năm 1979 – trú tại tổ 14, phường Phan Đình Phùng, thành phố TH (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thu G và Dương Lan A đều là học sinh lớp 12A3 trường THPT TH có địa chỉ tại tổ S, phường Q, thành phố TH. Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ, nên ngày 05/4/2018 G nhắn tin qua facebook rủ Lan A bàn lấy chiếc điện thoại Iphone 7 của bạn học cùng lớp là Lưu Thùy L (sinh năm 2000, HKTT: tổ V, phường P, thành phố TH). Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 06/4/2018 trong giờ ra chơi sau tiết học thứ 2, lợi dụng lúc L để chiếc điện thoại trong ngăn bàn học tại vị trí L ngồi, lúc này G đã nháy mắt ra tín hiệu cho Lan A thực hiện trộm chiếc điện thoại của L. G đứng che khuất tầm quan sát của L để Lan A dùng tay phải thò vào ngăn bàn lấy trộm điện thoại của L cho vào túi áo khoác bên phải của Lan A đang mặc. Sau đó Lan A đi ra nhà vệ sinh của trường giấu chiếc điện thoại của L trên ô cửa sổ nhà vệ sinh. Khi vào tiết học thứ 3 thì L phát hiện điện thoại bị mất nên đã báo giáo viên bộ môn và kiểm tra trong lớp học nhưng không phát hiện ai đã lấy chiếc điện thoại trên. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, sau khi hết giờ học G cùng Lan A ra nhà vệ sinh lấy điện thoại rồi đem đến quán trà sữa Tocotoco trên đường Bắc Sơn thuộc tổ Q, phường H, thành phố TH để mở khóa mặt khẩu nhưng không mở được nên Lan A cất giấu chiếc điện thoại tại nhà vệ sinh của quán, và cả hai đi về nhà.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày do sợ bị phát hiện nên G nhắn tin cho Lan A đến quán trà sữa lấy điện thoại mà G và Lan A vừa cất giấu mang ném xuống hồ xử lý nước thải Cổng Ngựa thuộc tổ Q, phường H nhằm trốn tránh sự phát hiện của chủ tài sản và cơ quan điều tra.

Sau khi bị mất tài sản Lưu Thùy L đến công an phường Q, thành phố TH trình báo.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại trên. Tại bản kết luận số 108 ngày 14/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận chiếc điện thoại Iphone 7 Quốc tế bản 32G, Imei/Seri: 544611 có giá 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Quốc tế bản 32G là tài sản của chị Lưu Thùy L hiện không thu hồi được. Chị L yêu cầu G và Lan A phải bồi thường giá trị tài sản chiếc điện thoại. Hiện G và Lan A chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số 483/CT -VKSTPTN ngày 05 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thu G, Dương Lan A về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Thu G và Dương Lan A đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của G và Lan A phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Đối với bị cáo Nguyễn Thu G: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu G từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

* Đối với bị cáo Dương Lan A: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Dương Lan A từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Phản dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo tự nguyện bồi thường giá trị chiếc điện thoại cho chị L là 8.000.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo không tranh luận

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thu G: Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thu G là đúng người, đúng tội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và áp dụng các Điều 91, Điều 101, khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 173 BLHS để có quyết định thấu tình đạt lý, tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo, chuộc lại lỗi lầm và tu dưỡng rèn luyện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Lan A: Cáo trạng truy tố bị cáo Dương Lan A về tội “Trộm cắp tài sản”, luật sư không có ý kiến gì về tội danh, khung hình phạt. Bị cáo Dương Lan A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Dương Lan A mới có 17 tuổi 9 tháng 4 ngày vì vậy bị cáo được hưởng những quy định giảm nhẹ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Chương XII BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử có thể miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng hình phạt thấp nhất, nhẹ nhất tạo cơ hội cho bị cáo được tiếp tục học tập để trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát: Đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo cũng như xem xét giảm nhẹ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về hình phạt.

Các bị cáo nhất trí với luận cứ của luật sư bào chữa, không bổ sung gì thêm. Phần lời nói sau cùng bị cáo G và bị cáo Lan A xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại Lưu Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện cho chị L là bà Đỗ Thị Hồng A vắng mặt nhưng họ có lời khai tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: đơn trình báo, lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 9 giờ sáng ngày 06/4/2018 tại lớp 12A3 trường THPT TH có địa chỉ ở tổ S, phường Q, thành phố TH, Nguyễn Thu G và Dương Lan A có hành vi trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 bản Quốc tế 32 GB. Tại bản kết luận số 108/HĐĐGTS ngày 14/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng

hình sự thành phố TH kết luận chiếc điện thoại Iphone 7 Quốc tế bản 32G, Imei/Seri: 544611 có giá trị 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Với hành vi trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.."

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo G và bị cáo Lan A cùng tiếp nhận ý chí của nhau và cùng thực hiện. Bị cáo G là người khởi xướng, còn bị cáo Lan A là người trực tiếp lấy điện thoại, do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, điều kiện hoàn cảnh gia đình đều khó khăn, đối với bị cáo G bố mẹ mất sớm phải sống cùng chị ruột, bị cáo Lan A bố cũng mất sớm phải ở với ông bà ngoại thiếu sự quản lý nuôi dưỡng của mẹ, mặt khác sự hiểu biết pháp luật của các bị cáo còn hạn chế.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là người phạm tội tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi việc xét xử nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm không cần thiết cách ly các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"* do đó các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền.

Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định các bị cáo chưa có nghề nghiệp ổn định, không có đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung, do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị trộm cắp là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 bản Quốc tế 32 GB chưa thu hồi được. Tại phiên tòa, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000đ. Các bị cáo nhất trí và tự nguyện mỗi bị cáo nộp 4.000. 000đ và đã nộp tại biên lai tạm thu tiền số 0001342 ngày 14/01/2019 của bị cáo Dương Lan A và biên lai tạm thu tiền số 0001343 ngày 15/01/2019 của bị cáo Nguyễn Thu G. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện cho các bị cáo, bị hại, người đại diện cho bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thu G và Dương Lan A phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 101BLHS.

2.1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thu G 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thu G cho Ủy ban nhân dân phường DB, thành phố TH, tỉnh TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thu G cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần, trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 101BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Dương Lan A 09(Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Lan A cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TH, tỉnh TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Dương Lan A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần, trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với bị hại. Cụ thể: bị cáo Nguyễn Thu G bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đã nộp tại biên lai tạm thu tiền số 0001343 ngày 15/01/2019 và bị cáo Dương Lan A bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đã nộp tại biên lai tạm thu tiền số 0001342 ngày 14/01/2019.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Báo cho các bị cáo, người đại diện cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện cho người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADSTPTH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

